

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018 DS-ST

Ngày: 29 – 6 - 2018

*" Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng mua bán tài sản"*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Khánh.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

2. Bà Chế Thị Hồng Cẩm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Minh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:* Bà Châu Pho Ly.

Ngày 29/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản thụ lý số: 100/2017/TLST- DS ngày 31 tháng 5 năm 2017 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản* ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Tổ 8, ấp C, xã G, huyện T, tỉnh An Giang – Có mặt.

Đồng bị đơn:

- Bà Huỳnh Thị Th, sinh năm 1966;

- Ông Phạm Văn Th1, sinh năm 1963 (có bà Huỳnh Thị Th đại diện theo giấy uỷ quyền của ông Th1, theo giấy uỷ quyền ngày 19/6/2017) – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Tổ 8, ấp C, xã G, huyện T, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bị đơn: Ông Võ Phát Trí, văn phòng luật sư Đức Trí thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông và ông Phạm Văn Th1, bà Huỳnh Thị Th là chỗ quen biết, khoảng năm 2013 ông có đem giấy chứng nhận QSDĐ thế chấp Ngân hàng Sacombank chi nhánh Tịnh Biên, vay số tiền 90.000.000 đồng, khi nhận tiền vay ông có chia lại cho ông Th1 và bà Th vay 60.000.000 đồng không tính lãi, ông Th1 và bà Th có trách nhiệm đóng lãi Ngân hàng số tiền trên số tiền vay 60.000.000 đồng; do chỗ quen biết ông không có cho ông Th1, bà Th làm biên nhận tiền.

Lần 1: Khoảng tháng 01/2014 ông Th1 và bà Th có trả cho ông số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng, còn nợ 50.000.000 đồng.

Lần thứ 2: Cũng trong tháng 01/2014 ông Th1 và bà Th tiếp tục hỏi vay ông số tiền 120.000.000 đồng để trả tiền vật tư nông nghiệp và sau đó vào ngày ông Th1 và bà Th trả ông 80.000.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng.

Lần thứ 3 cũng trong tháng 02/2014 ông Th1, bà Th có mua lúa nếp của ông với số tiền 9.000.000 đồng đến nay cũng chưa trả.

Sau 02 lần vay và một lần mua lúa nếp ông Th1 và bà Th còn nợ ông số tiền 99.000.000 đồng.

Do ông Th1 và bà Th không thừa nhận có vay số tiền 90.000.000 đồng, chứng cứ ông cung cấp cho Tòa án không đảm bảo, trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên ông xin rút yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay, không yêu cầu ông Th1 và bà Th trả số tiền 90.000.000 đồng mà chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Th1, bà Th trả số tiền 9.000.000 đồng tiền mua lúa nếp và yêu cầu tính lãi từ ngày 30/02/2014 đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai ông Phạm Văn Th1 và bà Huỳnh Thị Th ngày 21 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Bà không đồng ý lời trình bày của ông K cho rằng bà và ông Th1 vay của ông K số tiền 90.000.000 đồng, bà thừa nhận ngày 30/2/2014 bà và ông Th1 có mua lúa nếp của ông Nguyễn Văn K làm giống số tiền còn nợ 9.000.000 đồng.

Do là ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn, bà xin trả hàng tháng số tiền 500.000 đồng cho đến khi trả đủ số tiền 9.000.000 đồng và đồng thời xin không trả lãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bị đơn ông Võ Phát Trí trình bày quan điểm:

Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông Th1, bà Th theo quy định của bộ luật dân sự. Đồng thời đề nghị xin vắng mặt khi xét xử.

Phát biểu của Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- *Thẩm phán:* Chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại các Điều 26,35,39, 68, 97, 195 và Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên án trễ hạn xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thiếu sót trong văn bản tổng đạt cho đương sự.

- *Hội đồng xét xử:* Đảm bảo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cơ sở chấp nhận.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị đình chỉ tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Văn K đối với ông Phạm Văn Th1 và bà Huỳnh Thị Th về việc ông K yêu cầu ông Th1, bà Th trả 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*) tiền vay.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K buộc ông Th1, bà Th trả số tiền 9.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 30/02/2014 đến nay.

Tại phiên tòa các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ông Nguyễn Văn K khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản với ông Phạm Văn Th1 và bà Huỳnh Thị Th, ông Th1 và bà Th cư trú: Địa chỉ: Tổ 8, ấp C, xã G, huyện T, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 26, 35, và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa lần thứ nhất và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho đồng bị đơn ông Th1 và bà Th. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Th1 và bà Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bị đơn ông Võ Phát Tr, có đơn xin xét xử vắng mặt, và gửi trình bày quan điểm bảo vệ đồng bị đơn trong vụ án tranh chấp; do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với ông Võ Phát Tr.

[2] Về nội dung:

Ông K khởi kiện yêu cầu ông Th1, bà Th trả số tiền 99.000.000 đồng trong đó tiền vay là 90.000.000 đồng và tiền mua bán lúa nếp 9.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ngày 23/3/2018 ông K có đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Th1, bà Th phải trả 90.000.000 đồng tiền vay. Yêu cầu này của ông K là hoàn toàn tự nguyện, đây là sự định đoạt của đương sự và phù hợp pháp luật căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 217 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đình chỉ giải quyết yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông K có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đó với hợp đồng mua bán tài sản: Ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông Th1 bà Th trả số tiền 9.000.000 đồng tiền mua lúa nếp đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày 30/02/2014 đến nay. Giữa ông K và ông Th1, bà Th đều thừa nhận ngày 30/02/2014 ông Th1, bà Th có mua bán lúa nếp của ông K số tiền còn nợ là 9.000.000 đồng, đến nay ông Th1, bà Th vẫn chưa thực hiện việc thanh toán tiền mua lúa nếp cho ông K là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Do đó ông K khởi kiện yêu cầu ông Th1, bà Th trả số tiền 9.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 30/02/2014 đến nay là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

Ông Nguyễn Văn K yêu cầu ông Th1 bà Th trả ngay số tiền 9.000.000 đồng, bà Th yêu cầu được trả hàng tháng 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) đến khi trả xong số tiền là 9.000.000 đồng và yêu cầu không trả lãi. Yêu cầu của bà Th không được ông K chấp nhận và không phù hợp pháp luật nên không có cơ sở xem xét, như vậy ông Th1, bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên yêu cầu của ông K được xem xét chấp nhận.

Thời gian từ ngày 30/02/2014 đến ngày 29/6/2018 (*Ngày xét xử sơ thẩm*) là 04 năm 03 tháng 29 ngày; tính ra ngày là 1.579 ngày; theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010, áp dụng từ ngày 01/12/2010 thì mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, do vậy số tiền lãi được tính như sau:

$$9.000.000 \text{ đồng} \times 1.579 \text{ ngày} \times 0.025\% = 3.552.000 \text{ đồng.}$$

Như vậy tổng tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 9.000.000 đồng + 3.552.000 đồng = 12.552.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm năm mươi hai ngàn đồng*).

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông K khởi kiện và được Toà án chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Th1, bà Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng các Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 305, 428 và Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005.

Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

1. Đình chỉ tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Nguyễn Văn K đối với ông Phạm Văn Th1 và bà Huỳnh Thị Th về việc ông K yêu cầu ông Th1, bà Th trả 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*) tiền vay.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản của ông Nguyễn Văn K đối với ông Phạm Văn Th1 và bà Huỳnh Thị Th .

Buộc ông Phạm Văn Th1 và bà Huỳnh Thị Th có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền 12.552.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm năm mươi hai ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn Th1 và bà Huỳnh Thị Th chịu 627.500 đồng (*Sáu trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng*).

Ông K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền: 2.475.000 đồng (*hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số: TU/2015/0011981 ngày 31/5/2017 của Chi cục thi hành án huyện Tri Tôn.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh AnGiang;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh

